

Số: 41/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 12 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024
thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân
bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai
đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm
2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố
Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-
HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;*

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương chưa phân bổ;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương tại các nghị quyết: Nghị quyết 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2023; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 07 năm 2024; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương

(đợt 2), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và cho ý kiến về điều chỉnh phương án phân bổ vốn Ngân sách Trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 3), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024;

Xét Tờ trình số 306/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao chi tiết, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 các nguồn vốn ngân sách địa phương với tổng số vốn là 395,315 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: giao chi tiết, điều chỉnh giảm 1,211 tỷ đồng của 16 dự án/đồ án quy hoạch.

2. Vốn thực hiện dự án: Tổng số vốn giao chi tiết, điều chỉnh là 396,526 tỷ đồng (trong đó, có 14 dự án hoàn thành, chuyển tiếp có thời gian bố trí vốn vượt quá thời gian quy định), cụ thể:

- Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: bổ sung 150 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 338,671 tỷ đồng của 24 dự án.

- Bổ sung 585,197 tỷ đồng cho 15 dự án.

(Chi tiết dự án theo Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ mười bảy (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBND TP. Cần Thơ;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐND, 250.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiểu



Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÓ THỜI GIAN THỰC HIỆN VƯỢT QUÁ THỜI GIAN QUY ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn bố trí năm 2024
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
	Tổng số						12.915.819	5.626.840	2.415.637	10.626.992	6.776.608	548.999		
I	Sở Tài nguyên và Môi trường						176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	5.072		
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	B	7625302	Thới Lai		2020-2024	2148/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	1.914	
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt	B	7625303	Thốt Nốt		2020-2024	2627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	3.158	
II	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn						20.378	20.378	37	20.451	0	37		
	Tiểu dự án Mô hình thí điểm trồng lúa kỹ thuật hiện đại và cây ăn quả, xã Trường Long huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thuộc dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB6),	C	7492634	Phong Điền		2018-2020	2929/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 (QĐ quyết toán dự án)	20.378	20.378	37	20.451		37	
III	Sở Lao động, thương binh và Xã hội						49.975	4.975	1.697	47.368	2.368	439		
	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ	B	7590973	Ô Môn		2017-2022	3546/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	49.975	4.975	1.697	47.368	2.368	439	
IV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch						73.335	73.335	18.723	54.890	54.890	794		
	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Cờ Đỏ	B	7608266	Cờ Đỏ		2022-2023	1695/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	73.335	73.335	18.723	54.890	54.890	794	
V	Sở Xây dựng						692.631	692.631	429.060	389.911	389.911	30.000		
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	B	7772903	Ninh Kiều		2019-2025	2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 2490/QĐ-UBND ngày 6/10/2021 2443/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	692.631	692.631	429.060	389.911	389.911	30.000	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn bố trí năm 2024
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó: vốn NSDP		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
VI	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố						1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	2.196.576	751.150	39.932	1.891.167	445.730	4.477		
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giải đoạn 1 từ QL91B đến Cờ Đỏ)	B	7579491	Bình Thủy - Ô Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ		2019-2024		1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	380		
2	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài (đoạn từ Mỹ Khánh - Phong Điền)	B	7175437	Phong Điền		2010-2019	3245/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 2698/QĐ-UBND ngày 23/08/2016	564.474	564.474	4.500	418.780	418.780	1.597		
3	Đường Vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, giai đoạn 1: Đoạn từ nút giao thông đường Võ Văn kiệt đến Km1+675	B	7619462	Bình Thủy		2018-2024	2863/QĐ-UBND 30/10/2017 3183/QĐ-UBND 06/12/2017 3029/QĐ-UBND 01/11/2021	137.185	37.185	11.835	125.350	25.350	2.500		
VII	Ban Quản lý dự án ODA							9.167.256	3.378.584	1.519.296	7.649.606	5.310.110	492.453		
	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	A	7488650	Ninh Kiều - Bình Thủy		2017-2024	164/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 2596/QĐ-UBND ngày 15/8/2016/ 3432/QĐ-UBND ngày 26/12/2018; 2967/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	9.167.256	3.378.584	1.519.296	7.649.606	5.310.110	492.453		
VIII	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố							132.887	132.887	46.967	125.516	125.516	221		
	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	B	7712035	Quận Bình Thủy		2018-2024	2269/QĐ-UBND ngày 31/08/2018. 3952/QĐ-UBND ngày 17/12/2021. 1459/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	132.887	132.887	46.967	125.516	125.516	221		
IX	UBND quận Bình Thủy							114.478	104.597	6.300	85.358	85.358	619		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn bố trí năm 2024
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Trong đó: vốn NSDP		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thông	B	7620382	Bình Thủy		2017-2024	2712/QĐ-UBND 18/10/2017 3184/QĐ-UBND 06/12/2017 1802/QĐ-UBND 15/8/2024	114.478	104.597	6.300	85.358	85.358	619	
X	UBND huyện Phong Điền							292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	14.887	
1	Tuyến GTNT Vàm Xáng - Ba Láng	C	7781680	Phong Điền		2020-2024	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, 1667/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	13.423	
2	Khu tái định cư Phong Điền	B	7781681	Phong Điền		2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	1.464	



Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Cân đối NSDP		Ngân sách địa phương	XS/KT
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP											
	Tổng số=A+B+C+D						17.605.384	9.755.405	6.721.621	12.167.280	5.396.119	1.676.521	395.315	395.315	0	0	2.071.836			
A	Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ								235.000			65.000	150.000	150.000			215.000			
C	Vốn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư						37.261	37.261	36.584	2.269	2.269	7.163	-1.211	-1.211	0	0	5.952			
I	Số Thông tin và Truyền thông						442	442	420	0	0	0	251	251	0	0	251			
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025		7.998.667	Ninh Kiều			442	442	420				251	251			251			
II	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố						625	625	323	200	200	0	300	300	0	0	300			
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Cần Thơ		8116628	Ninh Kiều			302	302	200				200	200			200			
2	Trùng tu di tích lịch sử Khâm lớn Cần Thơ		7870171	Ninh Kiều			323	323	123	200	200		100	100			100			
III	Số Giao thông vận tải						4.353	4.353	4.000	1.000	1.000	3.000	-232	-232	0	0	2.768			
	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ		8.037.709	Ninh Kiều - Bình Thủy			4.353	4.353	4.000	1.000	1.000	3.000	-232	-232			2.768			
IV	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố						1.186	1.186	1.186	0	0	0	830	830	0	0	830			
1	Sửa chữa kho vũ khí - đạn		7004686	Phong Điền			224	224	224				157	157			157			

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)					Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
							TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Ngân sách địa phương (tăng/giảm)						
							Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Cần đổi NSDP
							4348/UBND - XDĐT ngày 08/10/2024 3315/QĐ-BCH ngày 18/10/2024		489	489										342	
2	Sửa chữa Tiểu đoàn 410/Trung đoàn 932		7004686	Ô Môn					489	489											342
3	Sửa chữa Trụ sở Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Cần Thơ		7004686	Cái Răng			4346/UBND - XDĐT ngày 08/10/2024 3317/QĐ-BCH ngày 18/10/2024		473	473											331
V	Sơ Xây dựng								26.467	26.467	26.467	26.467	1.069	1.069	4.053	-2.516	-2.516	0	0	0	1.537
1	Điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch chung TPCT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		7901494	TP Cần Thơ			1167/QĐ-UBND ngày 31/5/2021		20.945	20.945	20.945	1.069	1.069	2.000	-1.920	-1.920					80
2	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		8101163	TP Cần Thơ			1230/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		475	475	475			475	-208	-208					267
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn		8101164	Ô Môn			1231/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		2.022	2.022	2.022			710	-260	-260					450
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy)		8101165	Bình Thủy			1229/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		1.107	1.107	1.107			316	-50	-50					266
5	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ)		8101162	Cờ Đỏ			1228/QĐ-UBND ngày 04/06/2024		1.918	1.918	1.918			552	-78	-78					474
VI	Trung tâm Phát triển Quyết định thành phố								2.349	2.349	2.349	2.349	0	0	110	0	0	0	0	0	110
1	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Khu xử lý chất thải rắn Ô Môn		8082479	Ô Môn		2024-2025	729/QĐ-UBND ngày 29/03/2024		1.518	1.518	1.518			50	-50	-50					0
2	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất tại Quốc lộ 1A		8082480	Cái Răng		2024-2025	727/QĐ-UBND ngày 29/03/2024		415	415	415			30	-30	-30					0
3	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Kho xăng dầu Tây Nam Bộ		8082482	Ninh Kiều		2024-2025	725/QĐ-UBND ngày 29/03/2024		416	416	416			30	80	80					110
VII	UBND quận Cái Răng								1.839	1.839	1.839	1.839	0	0	0	156	156	0	0	0	156

TT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP		Sử dụng đất	XSKT
								Tổng số	Trong đó: vốn NSDP											
	Khu tái định cư quận Cái Răng (giai đoạn 2)			Cái Răng		2024-2025	4057/UBND-XDDT ngày 09/10/2023 1911/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	1.839	1.839	1.839			156	156				156		
D	Vốn thực hiện dự án									6.450.037	12.165.011	5.393.850	1.604.358	246.526	0	-880	880	0	1.850.884	
I	Sở Tài nguyên và Môi trường							1.839	1.839	141.697	107.900	107.900	5.072	0	-880	880	0	5.072		
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	B	7625302	Thới Lai		2020-2024	2148/QĐ-UBND 6/10/2020 111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	2.794	-880			-880		1.914	
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt	B	7625303	Thốt Nốt		2020-2024	2627/QĐ-UBND 30/10/2019 112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	2.278	880		880		3.158		
II	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn							20.378	20.378	37	20.451	0	0	37	37	0	0	37		
	Tiểu dự án Mô hình thí điểm trồng lúa kỹ thuật hiện đại và cây ăn quả, xã Trường Long huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thuộc dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB6),	C	7492634	Phong Điền		2018-2020	2929/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 (QĐ quyết toán dự án)	20.378	20.378	37	20.451			37	37			37		
III	Sở Lao động, thương binh và Xã hội							72.930	27.930	23.956	65.299	20.299	4.009	-886	-54	0	-832	3.123		
1	Dự án xây dựng Khố nhà làm việc Ban Quản lý nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	C	7879528	Cái Răng		2022-2024	295/QĐ-SXD ngày 28/12/2021	4.951	4.951	4.751	4.751	4.751	162	-54			-54	108		
2	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở Cai nghiệm ma túy thành phố Cần Thơ	C	7879529	TP. Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang		2022-2024	4354/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	3.328	-330			-330	2.998		
3	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ	B	7590973	Ô Môn		2017-2022	3546/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	49.975	4.975	1.697	47.368	2.368	519	-502			-502	17		
IV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch							86.335	86.335	31.722	55.340	55.340	8.980	-2.186	-2.186	0	0	6.794		
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Cờ Đỏ	B	7608266	Cờ Đỏ		2022-2023	1695/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	73.335	73.335	18.723	54.890	54.890	980	-186			-186	794		
2	Dự án Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu đa năng	C	7944626	Quận Ninh Kiều		2023-2025	366/QĐ-SXD ngày 27/12/2022	13.000	13.000	12.999	450	450	8.000	-2.000			-2.000	6.000		
V	Sở Xây dựng							692.631	692.631	429.060	389.911	389.911	38.000	-8.000	0	-8.000	0	30.000		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu				Lấy kế vốn đã bỏ từ đến hết năm 2023				Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		
							Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó: vốn NSDP	Ngân sách địa phương					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Sử dụng đất	
																					Cần đối NSDP	XSKT
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	B	7772903	Ninh Kiều		2019-2025	2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 2490/QĐ-UBND ngày 6/10/2021 2443/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	692.631	692.631	429.060	389.911	389.911	38.000	-8.000	-8.000				30.000			
VI	Số Giao thông vận tải							464.931	464.931	448.729	322.213	322.213	95.983	-54.375	0	-44.190	-10.185		41.608			
1	Cầu Tây Đô, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	B	7861307	Phong Điền		2021-2024	1125/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 1951/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	225.075	225.075	208.045	200.723	200.723	24.352	-6.831		-6.831			17.521			
2	Cầu Cỏ Đỏ trên đường tỉnh 919	B	7861308	Củ Đỏ		2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	165.604	165.604	165.604	107.550	107.550	25.441	-3.354		-3.354			22.087			
3	Đầu tư Hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ GDI (Trên khai các hạng mục như từ tín hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát CCTV, Hệ thống đo xe VDS và Trung tâm điều khiển)	C	7868637	TP Cần Thơ		2023-2025	1336/QĐ-UBND ngày 06/06/2023	49.948	49.948	50.000	1.050	1.050	34.000	-34.000		-34.000			0			
4	Trạm dừng, nhà chờ xe buýt: 501 điểm dừng đón trả khách hiện đại	C	7864623	TP Cần Thơ		2022-2024	1215/QĐ-UBND ngày 05/04/2022	24.304	24.304	25.080	12.890	12.890	12.190	-10.190		-10.190			2.000			
VII	Công an thành phố							62.227	62.227	61.993	35.166	35.166	22.340	0	0	0	0		22.340			
1	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Hưng Phú của Công an thành phố Cần Thơ	C	7004692	Cái Rang		2022-2024	2471/QĐ-SXD ngày 02/12/2021	11.568	11.568	11.726	9.490	9.490	2.236	-1.383	-1.383				853			
2	Xây dựng, cải tạo các buồng hỏi cung bị can	C	7004692	TP Cần Thơ		2022-2024	52/QĐ-SXD ngày 16/12/2021	11.382	11.382	11.940	8.420	8.420	3.520	-2.128	-2.128				1.392			
3	Đội Cảnh sát giao thông số 02 thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường bộ của Công an thành phố Cần Thơ	C	7004692	Ô Môn		2022-2024	246/QĐ-SXD ngày 02/12/2021 274/QĐ-SXD ngày 17/10/2022	14.735	14.735	14.164	12.580	12.580	1.584	459	459				2.043			
4	Xây dựng nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn	C	7004692	Ô Môn		2022-2024	3902/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	24.542	24.542	24.163	4.676	4.676	15.000	3.052	3.052				18.052			
VIII	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố							3.203.798	1.197.372	486.383	2.309.545	536.108	130.321	70.817	2.500	69.955	-1.638		201.138			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó; vốn NSDP		Tổng số	Trong đó; vốn NSDP	Cân đối NSDP	Sử dụng đất		XSKT
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó; vốn NSDP										
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL91B đến Cờ Đỏ)	B	7579491	Bình Thủy - Ô Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ		2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.494.917	149.491	21.597	1.347.037	1.600	321	59				59	380
2	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917	B	7863972	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền		2021-2024	3611/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	996.210	435.210	433.415	417.538	89.538	125.000	71.661	0	68.358	3.303	196.661	
3	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ	C	7885992	Ninh Kiều		2022-2024	21/QĐ-SXD ngày 25/01/2022 60/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 171/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	11.012	11.012	13.036	840	840	5.000	-5.000			-5.000	0	
4	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài (đoạn từ Mỹ Khánh - Phong Điền)	B	7175437	Phong Điền		2010-2019	3245/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 2698/QĐ-UBND ngày 23/08/2016	564.474	564.474	4.500	418.780	418.780		1.597		1.597		1.597	
5	Đường Vĩnh đại sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, giai đoạn 1: Đoạn từ nút giao thông đường Võ Văn Kiệt đến Km1+675	B	7619462	Bình Thủy		2018-2024	2863/QĐ-UBND 30/10/2017 3183/QĐ-UBND 06/12/2017 3029/QĐ-UBND 01/11/2021	137.185	37.185	11.835	125.350	25.350		2.500				2.500	
IX	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp							11.012	11.012	13.036	840	840	0	3.400	0	0	3.400	3.400	
	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ	C	7885992	Ninh Kiều		2022-2024	21/QĐ-SXD ngày 25/01/2022 60/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 171/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	11.012	11.012	13.036	840	840		3.400			3.400	3.400	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu				Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết năm 2023				Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giải đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tổng số nguồn vốn)					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tăng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương		
																	Cân đối NSDP	Sử dụng đất	
X	Ban Quản lý dự án ODA						9.167.256	3.378.584	1.519.296	7.649.606	2.717.333	660.000	-57.547	0	-57.547	0	602.453		
	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	A	7488650	Ninh Kiều - Bình Thủy		2017-2024	164/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 2596/QĐ-UBND ngày 15/8/2016/ 343/QĐ-UBND ngày 26/12/2018; 296/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	9.167.256	3.378.584	1.519.296	7.649.606	2.717.333	660.000	-57.547		-57.547		602.453	
XI	Ban An toàn giao thông							33.391	33.391	33.391	19.380	19.380	9.500	-1.617	0	0	-1.617	7.883	
	Cải tạo, đầu tư mới hệ thống tín hiệu giao thông tại các nút giao mật Án toàn giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn, tuyến quốc lộ và tỉnh lộ	C	7887379	TP Cần Thơ		2022-2024	83/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	33.391	33.391	33.391	19.380	19.380	9.500	-1.617			-1.617	7.883	
XII	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố							132.887	132.887	46.967	125.516	125.516	1.311	-1.090	0	0	-1.090	221	
	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	B	7712035	Quận Bình Thủy		2018-2024	2269/QĐ-UBND ngày 31/08/2018; 3952/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; 1459/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	132.887	132.887	46.967	125.516	125.516	1.311	-1.090			-1.090	221	
XIII	Trung tâm Xác tiến Dầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ							14.986	14.986	14.396	14.600	14.600	396	-377	-377	0	0	19	
	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xác tiến Dầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ	C	7903244	Ninh Kiều		2022-2024	36/QĐ-SXD ngày 23/02/2022	14.986	14.986	14.396	14.600	14.600	396	-377	-377			19	
XIV	Bãi Phát triển truyền hình thành phố Cần Thơ							146.906	146.906	147.138	125.300	125.300	16.000	500	0	500	0	16.500	
	Hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật phát thanh và truyền hình theo hướng truyền thông đa phương tiện	B	7856084	Ninh Kiều		2021-2024	1604/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	146.906	146.906	147.138	125.300	125.300	16.000	500		500		16.500	
XV	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ							76.461	76.461	76.261	58.706	58.706	5.001	-3.000	-3.000	0	0	2.001	
	Dự án Đầu tư ngành nghề tương thích trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	B	7847071	Bình Thủy		2021-2024	1346/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	76.461	76.461	76.261	58.706	58.706	5.001	-3.000	-3.000			2.001	
XVI	Số Tư pháp							4.232	4.232	4.521	3.942	3.942	0	290	290	0	0	290	
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Số Tư pháp	C	7963630				58/QĐ-STC ngày 07/6/2024 (QT)	4.232	4.232	4.521	3.942	3.942		290	290			290	
XVII	UBND quận Bình Thủy							541.329	531.448	394.218	305.971	305.971	40.000	44.619	0	44.619	0	84.619	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn NSDP						Sử dụng đất	Cân đối NSDP		XSKT
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thông	B	7620382	Bình Thủy		2017-2024	2712/QĐ-UBND 18/10/2017 3184/QĐ-UBND 06/12/2017 1802/QĐ-UBND 15/8/2024	114.478	104.597	6.300	85.358	85.358	619			619		619
2	Khu tái định cư phường Long Hòa (Khu 2)	B	7800500	Bình Thủy		2021-2023	795/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	426.851	426.851	387.918	220.613	2.000	44.000	44.000		44.000		84.000
XVIII	UBND quận Ninh Kiều							1.196.005	1.196.005	1.193.205	2.000	2.000	449.843	449.843	334.098	103.783	11.962	569.843
	Cải tạo, mở rộng 05 nút giao trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ	B	7964475	Ninh Kiều		2024-2025	2791/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.196.005	1.196.005	1.193.205	2.000	2.000	449.843	449.843	334.098	103.783	11.962	569.843
XIX	UBND huyện Phong Điền							393.341	393.341	312.674	254.825	254.825	6.098	6.098	0	0	0	21.187
1	Tuyến GTNT Vàm Xăng - Ba Láng	C	7781680	Phong Điền		2020-2024	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, 1667/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	13.513	-90			-90	13.423
2	Khu tái định cư Phong Điền	B	7781681	Phong Điền		2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	1.576	-112			-112	1.464
3	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử Lộ Vòng Cung (Giai đoạn 2)	B	8080551	Phong Điền		2024-2025	3483/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	101.196	101.196	100.746			6.300	6.300	6.098		202	6.300
XX	UBND huyện Vĩnh Thạnh							1.070.929	1.070.929	1.071.357	298.500	298.500	-200.000	-200.000	-90.000	-110.000	0	232.356
1	Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	B	7965630	Vĩnh Thạnh		2023-2026	382/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	384.614	384.614	384.648	123.100	123.100	100.000	-90.000	-90.000			10.000
2	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	B	7965631	Vĩnh Thạnh		2023-2025	4070/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	172.413	172.413	172.709	72.000	72.000	76.356	-25.000	-25.000	-25.000		51.356
3	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	B	7965629	Vĩnh Thạnh		2023-2026	2479/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	513.902	513.902	514.000	103.400	103.400	256.000	-85.000	-85.000			171.000